

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (sau đây gọi tắt là “ Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 9 năm 2011.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Mã cổ phiếu: HTI.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Thụy	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Ủy viên
	Ông Phan Văn Quang	Ủy viên
	Bà Trần Thúy Hương	Ủy viên
	Ông Lê Quốc Đạt	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Giám đốc
	Ông Lê Quốc Đạt	Phó Giám đốc
	Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc
	Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc
	Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Hồng Ninh

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Số. 538/2016/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/6/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 - Chính sách kế toán đối với tài sản được hình thành từ Dự án B.O.T: Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án đầu tư B.O.T An Sương - An Lạc được khấu hao trong thời gian 145 tháng, kể từ khi đưa dự án vào hoạt động. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động, Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An Sương - An Lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án theo Công văn 390/BTC-TCD ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính.



Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 17/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016*

15576
TY
IÁN
AT TR
ING
CO
PHỐ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		112.180.402.015	77.102.455.242
(100 = 110+120+130+140+150)				
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.835.192.207	8.336.932.869
1. Tiền	111		9.835.192.207	8.336.932.869
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		56.402.239.082	38.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	56.402.239.082	38.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.348.549.289	15.443.026.166
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	19.690.729.093	2.861.861.360
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.854.006.768	4.584.796.106
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	6.548.241.589	8.740.796.861
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(744.428.161)	(744.428.161)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	5.534.929.754	14.866.198.585
1. Hàng tồn kho	141		5.534.929.754	14.866.198.585
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		59.491.683	456.297.622
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	395.233.939
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	59.491.683	61.063.683
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.184.672.069.913	1.190.029.262.993
(200 = 210+220+230+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210		17.930.773.120	17.930.773.120
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	17.930.773.120	17.930.773.120
II Tài sản cố định	220		1.025.530.943.143	1.085.653.567.657
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.025.432.239.590	1.085.540.485.530
- Nguyên giá	222		1.789.066.687.968	1.789.066.687.968
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(763.634.448.378)	(703.526.202.438)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	98.703.553	113.082.127
- Nguyên giá	228		915.724.800	915.724.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(817.021.247)	(802.642.673)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		139.440.244.261	84.625.950.047
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	139.440.244.261	84.625.950.047
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		1.770.109.389	1.818.972.169
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	48.862.780
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.10	1.770.109.389	1.770.109.389
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.296.852.471.928	1.267.131.718.235
(270 = 100+200)				

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		897.444.606.922	897.592.502.446
I- Nợ ngắn hạn	310		77.756.584.139	81.662.840.431
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	12.408.090.560	17.934.535.706
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	15.000.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	2.361.830.957	2.791.074.299
4. Phải trả người lao động	314		1.273.617.782	6.837.709.757
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	54.402.187.790	35.402.187.790
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	4.734.825.251	3.421.708.594
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.576.031.799	275.624.285
II- Nợ dài hạn	330		819.688.022.783	815.929.662.015
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	7.210.914.011	7.210.914.011
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	812.477.108.772	808.718.748.004
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		399.407.865.006	369.539.215.789
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	399.407.865.006	369.539.215.789
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249.492.000.000	249.492.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.232.017.206	29.299.599.171
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.683.847.800	90.747.616.618
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		80.926.691.069	32.977.466.330
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.757.156.731	57.770.150.288
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.296.852.471.928	1.267.131.718.235

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Trường Vũ

Nguyễn Văn Thọ

Nguyễn Hồng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	230.844.389.186	142.886.485.805
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	230.844.389.186	142.886.485.805
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	161.755.028.931	79.515.334.276
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		69.089.360.255	63.371.151.529
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	656.686.042	1.098.617.095
7. Chi phí tài chính	22	5.20	13.471.455.958	11.885.839.942
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.471.455.958	11.885.839.942
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	15.283.630.900	16.905.225.778
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	6.610.377.942	8.484.328.201
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		34.380.581.497	27.194.374.703
11. Thu nhập khác	31		122.836.116	56.447.699
12. Chi phí khác	32		22.200.000	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		100.636.116	56.447.699
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		34.481.217.613	27.250.822.402
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	1.724.060.882	1.362.541.120
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		32.757.156.731	25.888.281.282
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	1.313	980

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Trường Vũ

Nguyễn Văn Thọ

Nguyễn Hồng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		đến 30/06/2016 VND	đến 30/06/2015 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	34.481.217.613	27.250.822.402
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	60.122.624.514	55.999.971.622
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(656.686.042)	(1.016.616.695)
- Chi phí lãi vay	06	13.471.455.958	11.885.839.942
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	107.418.612.043	94.120.017.271
- Biến động các khoản phải thu	09	(24.508.717.184)	22.859.648.768
- Biến động hàng tồn kho	10	9.331.268.831	(76.762.088)
- Biến động các khoản phải trả	11	1.383.203.272	(31.164.679.624)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	48.862.780	3.336.747.632
- Tiền lãi vay đã trả	14	(13.471.455.958)	(11.885.839.942)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.594.457.428)	(1.157.497.570)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(622.047.200)	(1.124.538.066)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	75.985.269.156	74.907.096.381
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(60.154.334.046)	(61.932.474.554)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(52.000.000.000)	(98.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	34.000.000.000	96.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	23.482.780.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	254.446.960	1.016.616.695
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(77.899.887.086)	(39.433.077.859)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	46.425.536.765	52.972.986.763
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(42.667.175.997)	(45.966.152.591)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(345.483.500)	(39.226.554.940)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.412.877.268	(32.219.720.768)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	1.498.259.338	3.254.297.754
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.336.932.869	8.717.294.888
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	9.835.192.207	11.971.592.642

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Trường Vũ

Nguyễn Văn Thọ

Nguyễn Hồng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc tại quyết định số 389/QĐ-HĐTV3 ngày 19/09/2007 của Hội đồng thành viên Công ty, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (số cũ 410300873) cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 9 năm 2011.

Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc là công ty TNHH Hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư, thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 được ký giữa Bộ Giao thông Vận tải và chủ đầu tư để xây dựng, cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A, đoạn An Sương - An Lạc thuộc địa phận TP. Hồ Chí Minh; Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 1 số 05/GPĐC1-ĐTTN ngày 07/4/2004, Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 2 số 05/GPĐC2-ĐTTN ngày 20/8/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC.

Chi tiết góp vốn:

Stt	Đối tượng	Theo số cổ đông thực tế tại 30/06/2016		
		VND	%	Cổ phần
1	Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH Một Thành Viên	118.508.700.000	47,5%	11.850.870
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	24.949.200.000	10%	2.494.920
5	Vốn góp của đối tượng khác	106.034.100.000	42,5%	10.603.410
	Tổng	249.492.000.000	100%	24.949.200

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, Mã cổ phiếu: HTI.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại 30/6/2016: 285 người (tại ngày 31/12/2015: 321 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng nhà các loại; Thu gom rác không độc hại.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thu phí sử dụng đường bộ theo giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 và hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 trong thời gian 145 tháng kể từ tháng 1/2005, thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

1.3 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/6/2016, Công ty có đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO - Xí nghiệp Xây dựng IDICO - IDI.

Địa chỉ: 560A Quốc lộ 1A, Khu phố 6, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng.

2. NĂM TÀI CHÍNH/ KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính/Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng Năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tiền và tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12
Máy móc và thiết bị	07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án đầu tư B.O.T An Sương - An Lạc được khấu hao trong thời gian 145 tháng, kể từ khi đưa vào hoạt động, tuy nhiên, do đặc thù hoạt động, Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An Sương - An Lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo Công văn 390/BTC-TCDN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính. Từ ngày 30/6/2013 trở về trước, công ty ước tính và áp dụng tỷ lệ khấu hao là 35,80%. Kể từ ngày 01/07/2013 đến hết năm 2014, tỷ lệ khấu hao là 52,80% tính trên doanh thu trong những năm cuối của thời kỳ thu phí giai đoạn 1 được điều chỉnh bổ sung theo doanh thu tăng ước tính và phù hợp với thời gian hoàn vốn còn lại. Từ năm 2015, tỷ lệ khấu hao là 49,26% được tính trên doanh thu dự kiến từ năm 2015 đến tháng 01/2017 và phù hợp với thời gian hoàn vốn còn lại.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng

Tài sản cố định vô hình trình bày phần mềm quản lý thu phí, quản lý doanh nghiệp được ghi nhận cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trong kỳ, có 31.454.648.093 đồng chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty (trong 6 tháng đầu năm 2015 là: 33.620.327.409 đồng). Chi phí lãi vay được vốn hóa vào Dự án đầu tư bổ sung một số hạng mục giao thông trên tuyến Quốc lộ 1A.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp)

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10%, miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ theo hướng dẫn tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là lĩnh vực thu cước đường bộ, lĩnh vực xây lắp. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU B 09a - DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	6.764.877.539	5.752.571.348
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.070.314.668	2.584.361.521
Tổng	9.835.192.207	8.336.932.869

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam.

5.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	19.690.729.093	2.861.861.360
Ban quản lý dự án Khu dân cư mở rộng phường 6, Long An (*)	1.383.761.000	1.383.761.000
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trường THPT Tây Đô	-	1.130.601.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn (**)	18.095.231.733	-
Phải thu các khách hàng còn lại	211.736.360	347.499.360
Tổng	19.690.729.093	2.861.861.360

(*) Số tiền phải thu Ban quản lý dự án Khu dân cư mở rộng phường 6: 10% còn lại giá trị thi công công trình chờ quyết toán.

(**) Số tiền phải thu giá trị thi công Dự án đầu tư xây dựng đường D3 kết nối vào cảng Sài Gòn-Hiệp Phước.

5.4 Phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	6.548.241.589	-	8.740.796.861	-
Tạm ứng	5.470.142.089	-	7.527.183.857	-
Ký cược ký quỹ	191.733.742	-	192.550.716	-
Phải thu khác	886.365.758	-	1.021.062.288	-
b) Dài hạn	17.930.773.120	-	17.930.773.120	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An (Dự án KDC Trung tâm mở rộng)	17.930.773.120	-	17.930.773.120	-
Tổng	24.479.014.709	-	26.671.569.981	-

Phải thu dài hạn của khoản đầu tư góp vốn vào dự án Khu dân cư Trung tâm mở rộng Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO theo hợp đồng hợp tác kinh doanh tháng 5 năm 2011. Thông tin về dự án được trình bày tại Thuyết minh số 6.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09a - DN****5.5 Nợ xấu***Đơn vị tính: VND*

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ông Ngô Văn Quang	116.574.900	-	116.574.900	-
Ông Trương Bá Tông	325.977.668	-	325.977.668	-
Nợ xấu của các đối tượng khác	301.875.593	-	301.875.593	-
Tổng	744.428.161	-	744.428.161	-
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Ông Ngô Văn Quang	-	-	-	116.574.900
Ông Trương Bá Tông	-	-	-	325.977.668
Nợ xấu của các đối tượng khác	-	-	-	301.875.593

5.6 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	436.389.330	-	459.324.810	-
Công cụ, dụng cụ	69.729.196	-	34.227.650	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	5.028.811.228	-	14.372.646.125	-
Tổng	5.534.929.754	-	14.866.198.585	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2016	1.770.431.224.261	8.757.586.602	8.983.784.600	894.092.505	1.789.066.687.968
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2016	1.770.431.224.261	8.757.586.602	8.983.784.600	894.092.505	1.789.066.687.968
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2016	693.426.174.641	6.711.510.740	3.118.796.681	269.720.376	703.526.202.438
Tăng trong kỳ	59.592.551.520	82.229.892	388.265.886	45.198.642	60.108.245.940
Khấu hao trong kỳ	59.592.551.520	82.229.892	388.265.886	45.198.642	60.108.245.940
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2016	753.018.726.161	6.793.740.632	3.507.062.567	314.919.018	763.634.448.378
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	1.077.005.049.620	2.046.075.862	5.864.987.919	624.372.129	1.085.540.485.530
Tại ngày 30/06/2016	1.017.412.498.100	1.963.845.970	5.476.722.033	579.173.487	1.025.432.239.590

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/6/2016 là: 8.254.948.139 đồng (tại ngày 31/12/2015 là: 3.894.907.862 đồng)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2016	915.724.800	915.724.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2016	<u>915.724.800</u>	<u>915.724.800</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2016	802.642.673	802.642.673
Tăng trong kỳ	14.378.574	14.378.574
Khấu hao trong kỳ	14.378.574	14.378.574
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2016	<u>817.021.247</u>	<u>817.021.247</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2016	<u>113.082.127</u>	<u>113.082.127</u>
Tại ngày 30/06/2016	<u>98.703.553</u>	<u>98.703.553</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/6/2016 là: 714.424.800 đồng (tại ngày 31/12/2015 là: 714.424.800 đồng).

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Chi mua sắm	-	-
b) Chi xây dựng cơ bản dở dang	139.440.244.261	84.625.950.047
Dự án đường Hà Huy Giáp, Quận 12	3.491.800.942	3.491.800.942
Dự án đầu tư bổ sung một số hạng mục giao thông trên tuyến Quốc lộ 1A	47.725.980.837	16.198.603.565
Dự án Đầu tư bổ sung nút giao Quốc lộ 1A Hương lộ 2	83.159.495.951	64.631.937.229
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.586.779.126	284.000.000
Các dự án khác	3.476.187.405	19.608.311
c) Chi sửa chữa	-	-
Tổng	<u>139.440.244.261</u>	<u>84.625.950.047</u>

5.10 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.770.109.389	1.770.109.389
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Trích trước chi phí duy tu sửa chữa định kỳ	1.770.109.389	1.770.109.389

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
 Báo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.11 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	12.408.090.560	12.408.090.560	17.934.535.706	17.934.535.706
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Lê Hà	807.707.321	807.707.321	5.671.667.920	5.671.667.920
Công ty cổ phần kỹ thuật Đông	55.129.708	55.129.708	1.231.572.694	1.231.572.694
Công ty TNHH LEXIM	304.800.000	304.800.000	1.693.600.000	1.693.600.000
Công ty cổ phần A Châu Xanh	4.854.635.992	4.854.635.992	-	-
Công ty TNHH công trình xây	2.861.863.123	2.861.863.123	-	-
Phải trả các đối tượng khác	3.523.954.416	3.523.954.416	9.337.695.092	9.337.695.092
Tổng	12.408.090.560	12.408.090.560	17.934.535.706	17.934.535.706

5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu

Đơn vị tính: VND

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2016
	Phải nộp	2.791.074.299	15.974.922.297	16.404.165.639
Thuế GTGT	-	13.539.766.683	12.176.566.811	1.363.199.872
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.745.366.421	1.724.060.882	3.594.457.428	874.969.875
Thuế thu nhập cá nhân	45.707.878	707.094.732	629.141.400	123.661.210
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phải thu	61.063.683	1.572.000	-	59.491.683
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	1.572.000	1.572.000	-	-
Thuế nhập khẩu còn được hoàn	59.491.683	-	-	59.491.683

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	54.402.187.790	35.402.187.790
Chi phí duy tu bảo dưỡng các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Sương - An Lạc	54.402.187.790	35.402.187.790
Tổng	54.402.187.790	35.402.187.790

Chi phí phải trả ngắn hạn được lập theo tờ trình số 411/CT-KHKT ngày 30/12/2015 về việc xin phê duyệt kinh phí duy tu các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Sương - An Lạc trong năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.14 Phải trả khác

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.734.825.251	3.421.708.594
Kinh phí công đoàn	-	50.100.174
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	109.458.000	109.458.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	488.036.690	833.520.190
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.137.330.561	2.428.630.230
<i>Phải trả các đội thi công của Công ty</i>	<i>3.628.194.716</i>	<i>2.093.735.980</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>509.135.845</i>	<i>334.894.250</i>
b) Dài hạn	7.210.914.011	7.210.914.011
Phải trả phải nộp dài hạn khác	7.210.914.011	7.210.914.011
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An (IDICO - LINCO)	3.088.608.011	3.088.608.011
- Ủy ban nhân dân Quận Bình Tân (Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án BOTASAL)	4.122.306.000	4.122.306.000
Tổng	11.945.739.262	10.632.622.605

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÁU B 09a - DN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tại ngày 30/06/2016		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2	-	-	17.894.175.997	17.894.175.997	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	7.894.175.997	7.894.175.997	-	-
b) Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	812.477.108.772	812.477.108.772	28.531.360.768	24.773.000.000	808.718.748.004	808.718.748.004
-Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201101490 (*)	812.477.108.772	812.477.108.772	28.531.360.768	24.773.000.000	808.718.748.004	808.718.748.004
-Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201402329 (**)	557.469.000.000	557.469.000.000	-	24.000.000.000	581.469.000.000	581.469.000.000
	255.008.108.772	255.008.108.772	28.531.360.768	773.000.000	227.249.748.004	227.249.748.004
Tổng	812.477.108.772	812.477.108.772	46.425.536.765	42.667.175.997	808.718.748.004	808.718.748.004

(*) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201101490 ngày 18 tháng 10 năm 2011. Số tiền vay theo hợp đồng 630.469.090.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư xây dựng các hạng mục bổ sung thuộc sự án cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 1A đoạn An Suong - An Lạc theo phụ lục hợp đồng BOT số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 của Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003. Thời hạn vay là 9,5 năm (thời gian ân hạn gốc 2,5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian trả nợ gốc là 7 năm kể từ ngày kế tiếp của ngày kết thúc thời gian ân hạn). Lãi suất cho vay theo công bố của Eximbank. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suong - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 của Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003. Số dư tại 30/6/2016 là 557.469.000.000 đồng.

(**) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201402329 ngày 23 tháng 09 năm 2014. Số tiền vay theo hợp đồng 320.446.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư bổ sung công trình xây dựng nút giao thông tại giao lộ Quốc lộ 1/Hương lộ 2 (giai đoạn 3) thuộc dự án BOT cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1, đoạn An Suong - An Lạc. Thời hạn cho vay là 174 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời gian ân hạn 09 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất đang áp dụng 11% cho 12 tháng đầu, sau đó lãi suất cho vay bằng lãi tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực kể từ ngày giải ngân cộng 3,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suong - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003; Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 và Phụ lục Hợp đồng 2 số 23969/PLHD-B.O.T ngày 22/09/2014. Số dư tại ngày 30/6/2016 là 255.008.108.772 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	249.492.000.000	24.908.514.689	79.116.889.346	353.517.404.035
Tăng trong năm	-	4.391.084.482	57.770.150.288	62.161.234.770
Lợi nhuận sau thuế	-	-	57.770.150.288	57.770.150.288
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	4.391.084.482	-	4.391.084.482
Giảm trong năm	-	-	46.139.423.016	46.139.423.016
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.391.084.482	4.391.084.482
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	1.829.618.534	1.829.618.534
Chi trả cổ tức năm 2014	-	-	39.918.720.000	39.918.720.000
Số dư tại 31/12/2015	249.492.000.000	29.299.599.171	90.747.616.618	369.539.215.789
Số dư tại 01/01/2016	249.492.000.000	29.299.599.171	90.747.616.618	369.539.215.789
Tăng trong kỳ	-	6.932.418.035	32.757.156.731	39.689.574.766
Lợi nhuận sau thuế	-	-	32.757.156.731	32.757.156.731
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	6.932.418.035	-	6.932.418.035
Giảm trong kỳ	-	-	9.820.925.549	9.820.925.549
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	6.932.418.035	6.932.418.035
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	2.888.507.514	2.888.507.514
Số dư tại 30/06/2016	249.492.000.000	36.232.017.206	113.683.847.800	399.407.865.006

(*) Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 07/NQĐHCD-CT ngày 22 tháng 4 năm 2016: Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 quỹ đầu tư phát triển (12%) là 6.932.418.035 đồng và quỹ khen thưởng phúc lợi (5%) là 2.888.507.514 đồng. Công ty sẽ thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt (12%) với số tiền 29.939.040.000 đồng vào quý 3 năm 2016.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Stt	Đối tượng góp vốn	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
1	Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH Một Thành Viên	118.508.700.000	93.559.500.000
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	24.949.200.000	20.439.100.000
3	Vốn góp của đối tượng khác	106.034.100.000	135.493.400.000
	Tổng	249.492.000.000	249.492.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	249.492.000.000	249.492.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	249.492.000.000	249.492.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	39.918.720.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ doanh nghiệp

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	36.232.017.206	29.299.599.171
Tổng	36.232.017.206	29.299.599.171

5.17 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
	VND	VND
Doanh thu thu cước đường bộ	162.166.895.428	142.452.081.805
Doanh thu hoạt động xây lắp	68.183.339.758	-
Doanh thu hoạt động dịch vụ công ích	494.154.000	434.404.000
Tổng	230.844.389.186	142.886.485.805

5.18 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
	VND	VND
Giá vốn thu cước đường bộ	94.492.318.422	79.124.370.676
Giá vốn hoạt động xây lắp	66.817.971.909	-
Doanh thu hoạt động dịch vụ công ích	444.738.600	390.963.600
Tổng	161.755.028.931	79.515.334.276

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	656.686.042	573.669.695
Lãi bán các khoản đầu tư	-	82.000.400
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	442.947.000
Tổng	656.686.042	1.098.617.095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.20 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền vay	13.471.455.958	11.885.839.942
Tổng	13.471.455.958	11.885.839.942

5.21 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nhân viên	11.472.394.858	13.085.346.370
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	929.926.870	868.814.425
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	300.316.132	423.785.518
Chi phí khấu hao TSCĐ	282.724.950	108.552.122
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.756.321.545	1.630.685.957
Chi phí bằng tiền khác	541.946.545	788.041.386
Tổng	15.283.630.900	16.905.225.778

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.438.674.840	5.921.224.671
Chi phí vật liệu quản lý	106.369.853	43.246.521
Chi phí đồ dùng văn phòng	72.050.354	222.794.384
Chi phí khấu hao TSCĐ	225.970.386	176.700.228
Thuế phí và lệ phí	170.208.696	122.459.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	455.232.646	264.171.383
Chi phí bằng tiền khác	1.141.871.167	1.733.731.869
Tổng	6.610.377.942	8.484.328.201

5.23 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	34.481.217.613	27.250.822.402
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	-	-
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	-	-
2. Thu nhập chịu thuế	34.481.217.613	27.250.822.402
<i>Thuế suất</i>	<i>10%</i>	<i>10%</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.448.121.762	2.725.082.240
Thuế thu nhập được miễn giảm (giảm 50%)	1.724.060.880	1.362.541.120
Thuế TNDN hiện hành	1.724.060.882	1.362.541.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh	32.757.156.731	25.888.281.282
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.757.156.731	25.888.281.282
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	24.949.200	24.949.200
Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	1.444.253.757
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.313	980

(*) Công ty không ước tính việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016 nên lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2016 chưa tính đến ảnh hưởng (nếu có) của việc này.

Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2015 được ước tính bằng 50% Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.081.753.949	18.809.985.677
Chi phí nhân công	25.427.044.307	30.020.900.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.122.624.514	55.999.971.622
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.448.255.974	4.302.319.967
Chi phí khác bằng tiền	2.730.265.126	4.782.206.984
Tổng	139.809.943.870	113.915.384.610

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1** Giao dịch và số dư với các bên liên quan*Các giao dịch với nhân sự chủ chốt*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	1.341.580.942		1.091.718.805	
<i>Giao dịch mua với các bên liên quan</i>					
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Công ty CP Tư vấn Đầu tư IDICO (IDICO INCON)	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Giám sát thi công	320.044.545	789.765.454	
Công ty CP Kiểm định Xây dựng IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Chi phí thi nghiệm	52.190.724	410.433.466	
Tổng			372.235.269	1.200.198.920	

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	Tính chất giao dịch	30/06/2016	VND	01/01/2016	VND
Công ty CP Kiểm định Xây dựng IDICO	Phải trả người bán	Phí thi nghiệm	64.307.020		6.897.224	
Công ty CP Tư vấn đầu tư IDICO	Phải trả người bán	Phí giám sát	267.850.700		320.050.700	
Công ty CP đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Phải trả người bán	Phí lắp đặt	-		1.518.144.227	
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Phải trả khác	Liên doanh đầu tư	3.088.608.011		3.088.608.011	
Tổng			3.420.765.731		4.933.700.162	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

6.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

	Hoạt động đầu tư	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	162.166.895.428	68.183.339.758	494.154.000	230.844.389.186
KẾT QUẢ KINH DOANH BỘ PHẬN				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	67.674.577.006	1.365.367.849	49.415.400	69.089.360.255
Thu nhập tài chính	656.686.042	-	-	656.686.042
Thu nhập khác	-	-	100.636.116	100.636.116
Chi phí tài chính	(13.471.455.958)	-	-	(13.471.455.958)
Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý	-	-	-	(21.894.008.842)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	34.481.217.613
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.724.060.882)	-	-	(1.724.060.882)
Lợi nhuận trong kỳ				32.757.156.731

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 như sau:

	Hoạt động đầu tư	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	1.024.681.916.654	748.972.909	100.053.580	1.025.530.943.143
Xây dựng cơ bản dở dang	139.440.244.261	-	-	139.440.244.261
Các khoản phải thu	38.781.474.676	19.497.847.733	-	58.279.322.409
Hàng tồn kho	506.118.526	4.595.176.772	433.634.456	5.534.929.754
Tài sản không thể phân bổ				68.067.032.361
Tổng tài sản				1.296.852.471.928
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	66.240.386.226	7.780.806.135	-	74.021.192.361
Phải trả tiền vay	812.477.108.772	-	-	812.477.108.772
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	10.946.305.789
Tổng nợ phải trả				897.444.606.922

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mà vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư số 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.835.192.207	8.336.932.869
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.955.173.552	21.261.819.323
Đầu tư tài chính ngắn hạn	56.402.239.082	38.000.000.000
Tổng	104.192.604.841	67.598.752.192
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	812.477.108.772	808.718.748.004
Phải trả người bán và phải trả khác	24.353.829.822	28.567.158.311
Chi phí phải trả	54.402.187.790	35.402.187.790
Tổng	891.233.126.384	872.688.094.105

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2016			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	17.142.915.811	7.210.914.011	24.353.829.822
Chi phí phải trả	54.402.187.790	-	54.402.187.790
Các khoản vay	-	812.477.108.772	812.477.108.772
Tổng	71.545.103.601	819.688.022.783	891.233.126.384
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	21.356.244.300	7.210.914.011	28.567.158.311
Chi phí phải trả	35.402.187.790	-	35.402.187.790
Các khoản vay	-	808.718.748.004	808.718.748.004
Tổng	56.758.432.090	815.929.662.015	872.688.094.105

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 30/06/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.835.192.207	-	9.835.192.207
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.024.400.432	17.930.773.120	37.955.173.552
Đầu tư tài chính ngắn hạn	56.402.239.082	-	56.402.239.082
Tổng	86.261.831.721	17.930.773.120	104.192.604.841

Tại 01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.336.932.869	-	8.336.932.869
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.331.046.203	17.930.773.120	21.261.819.323
Đầu tư tài chính ngắn hạn	38.000.000.000	-	38.000.000.000
Tổng	49.667.979.072	17.930.773.120	67.598.752.192

6.4 Thông tin Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Căn cứ theo hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh tháng 5 năm 2011 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO về “Dự án Khu dân cư Trung tâm mở rộng Phường 6, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An”. Dự án có thông tin cụ thể như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
Tổng mức đầu tư dự án	724.135.957.316
Trong đó cơ cấu vốn được xác định:	
- 70% vốn huy động hợp pháp	506.895.170.121
- 30% vốn góp của IDICO - LINCO và IDICO IDI	217.240.787.195
Trong đó:	
- IDICO - LINCO (70%)	152.068.551.036
- IDICO - IDI (30%)	65.172.236.158
Đến 30/06/2016, IDICO IDI đã góp	17.930.773.120

Đến ngày 30/6/2016, dự án đã xây dựng hoàn thành, đã và đang bán sản phẩm.

6.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 đã được soát xét.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Trường Vũ

Nguyễn Văn Thọ

Nguyễn Hồng Ninh